

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng
- an ninh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020**

Phần I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2019**

Ngay từ đầu năm 2019, UBND huyện đã ban hành Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo điều hành, triển khai các Nghị quyết, kết luận của Huyện ủy, HĐND huyện về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2019. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực triển khai và tổ chức thực hiện kế hoạch đề ra. Bên cạnh những thuận lợi, huyện đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh trên người và dịch bệnh cây trồng, vật nuôi và thiên tai xảy ra, song dưới sự lãnh đạo sâu sát của Huyện ủy và giám sát của HĐND huyện, sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của UBND huyện cùng sự nỗ lực của các cấp, các ngành các doanh nghiệp và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục tăng trưởng và phát triển, an sinh xã hội được bảo đảm, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Cụ thể:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019:

1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 đạt 6,08% (KH từ 8% trở lên), trong đó: ngành nông - lâm và thủy sản 2,75% (KH 3%), công nghiệp - xây dựng đạt 11,23% (KH 15 %), ngành dịch vụ đạt 10,69 (KH 14 %).

Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): nông - lâm - thủy sản 57,41% (KH 56,5-57 %); công nghiệp - xây dựng 15,76 (KH 15-16%); dịch vụ 26,83% (KH 27,5- 8%).

(2) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội: Ước đạt 1.752 tỷ đồng (KH 2019 đạt từ 1.643 tỷ đồng).

(3) Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 83,05 tỷ đồng, đạt 106,61% dự toán tỉnh giao (KH 77,9 tỷ đồng), đạt 79,47% (KH 104,5 tỷ đồng). Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí: 48,06 tỷ đồng; thu biện pháp tài chính: 34,99 tỷ đồng.

(4) Phát triển hạ tầng: Đảm bảo nước tưới cho 78,45% (KH 78,3%) diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp nhựa hóa, cứng hóa huyện đạt

100% (KH 100%), đường xã đạt 57% (KH 33%), số thôn, buôn có điện đạt 100% (KH 100%) và số hộ dùng điện đạt 99% (KH 99%).

2. Các chỉ tiêu xã hội

(5) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ước tính 10‰ (KH 10‰);

(6) Tạo việc làm mới cho khoảng 1920 lao động (KH: 1920 lao động); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 38,8% (KH 38,8%);

(7) Tỷ lệ hộ nghèo giảm nghèo đạt **2,7%** (KH 3,09%) so với cuối năm 2018.

(8) Công nhận mới **01** trường đạt chuẩn Quốc gia (KH 02-03 trường).

(9) Danh hiệu văn hóa: hộ gia đình đạt 78% (KH 78%); thôn, buôn, tổ dân phố đạt 80% (KH 65%); cơ quan, trường học đạt 95% (KH 92% - 95%).

(10) Giữ vững và nâng cao chất lượng 6 xã đạt từ 16 tiêu chí nông thôn mới trở lên (xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Phú Lộc, Ea Tóh, Phú Xuân; xã đạt và cơ bản đạt chuẩn 17 tiêu chí: Ea Tân; xã đạt và cơ bản đạt chuẩn 16 tiêu chí : Ea Tam, Tam Giang).

(11) Duy trì, giữ vững tỷ lệ 100% số xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (KH 12 xã, thị trấn); 100% Trạm y tế có Bác sỹ. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 15,5% (KH ≤16,3%).

3. Các chỉ tiêu về môi trường

(12) Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97,9% (KH 97,5%).

(13) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 13,3% (KH 13,2%); tỷ lệ đường nội thị của thị trấn Krông Năng có cây xanh đạt 68,8% (KH 80%).

(14) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại trung tâm thị trấn Krông Năng đạt 98% (KH 98%), trung tâm các xã đạt 92% (KH 92%).

(15) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho cá nhân ha đạt tỷ lệ 88,2 % so với diện tích cần cấp Giấy chứng nhận lần đầu (KH 88%).

(16) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; tuyển chọn quân nhân đạt 100% chỉ tiêu; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đạt kế hoạch đề ra; hoàn thành tốt diễn tập phòng thủ huyện năm 2019.

Nâng cao tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều tra, khám phá án hình sự đạt 97,22% (KH ≥85%), trong đó: án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 100% (KH ≥95%). Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, phấn đấu giảm tỷ lệ tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí (*Số vụ giảm 27,77%, số người chết giảm 36,36%, số người bị thương giảm 25%*) (KH 5%)

(17) Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp tồn đọng.

(18) Thường xuyên củng cố, kiện toàn về tổ chức bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; duy trì và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, quy chế phối hợp; thực hiện tốt Luật Công chức - Viên chức: 100% cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ. trong đó có từ 20% trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền và chú trọng công tác thi đua, khen thưởng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRÊN TỪNG LĨNH VỰC:

1. Lĩnh vực kinh tế:

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới:

Sản xuất nông nghiệp của huyện gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng và gia súc, nhất là dịch tả lợn Châu Phi,...điều này đã ảnh hưởng làm giảm tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm nghiệp của huyện.

Giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước đạt 4.108 tỷ đồng, đạt 99,7% kế hoạch đề ra (KH 4.120 tỷ đồng).

Trồng trọt: Tổng diện tích các loại cây trồng toàn huyện ước đạt 51.112 ha/51.075 ha KH, đạt 100,67% KH. Trong đó: cây hàng năm 14.890/14.748 ha KH, đạt 101 % KH¹; cây lâu năm 36.222 ha/35.957 ha KH, đạt 100,73% KH². Công tác chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, công tác kiểm tra vật tư nông nghiệp, bảo vệ thực vật được chú trọng, tuy có xảy ra dịch bệnh trên cây trồng nhưng đã được kiểm soát, không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm³; công tác khuyến nông, kinh tế hợp tác và các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất được quan tâm triển khai góp phần thay đổi tập quán sản xuất của người dân, tăng năng suất lao động⁴.

¹ Tổng sản lượng cây lương thực có hạt 62.504/65.350 tấn KH, đạt 95,82% KH (lúa 16,975 tấn, ngô 45.529 tấn); cây chất bột có củ 1049/965 ha, đạt 108,7% KH; cây rau đậu các loại 2.172/2.170 ha KH, đạt 100,1% KH; cây công nghiệp ngắn ngày 748/813ha KH, đạt 97,43% KH; cây thức ăn gia súc 942/900 ha KH, bằng 104,67% KH.

² Diện tích các cây lâu năm: Cây cà phê: 24.558 ha/24.418 ha KH, đạt 100,57% KH, (so với năm 2018 tăng 950 ha, diện tích tăng chủ yếu trồng trên đất cây hồ tiêu bị bệnh và cây hàng năm), diện tích cà phê cho sản phẩm là 22.429 ha, năng suất trên diện tích cho sản phẩm ước đạt 31tạ/ha; sản lượng ước đạt 72.175 tấn, đạt 99,72% KH. Cây cao su 3.091 ha/3.091 ha kế hoạch, đạt 100% KH, diện tích cho sản phẩm là 2.570 ha, năng suất trên diện tích cho sản phẩm 15,3 tạ/ha, sản lượng dự kiến 3.922 tấn, đạt 127,88% KH. Cây Hồ tiêu 4.810 ha/4.882 ha KH, đạt 98,53% KH, giảm 504 ha so với thực hiện năm 2018, diện tích cho sản phẩm là 4.038 ha, năng suất trên diện tích cho sản phẩm ước đạt 25,8 tạ/ha, sản lượng dự kiến 11.747 tấn, đạt 107,82% KH. Cây điều 89 ha/65 ha KH, đạt 136,92% KH, sản lượng 137 tấn, đạt 110,48% KH. Cây chè 06 ha/05 ha KH, đạt 120% KH, sản lượng 50 tấn, đạt 67,57% KH. Cây ca cao 6 ha/2 ha KH, đạt 300% KH; sản lượng 4 tấn, đạt 200%KH. Cây ăn quả 3.380 ha/3.257 ha KH, đạt 103,77% KH, sản lượng 12.301 tấn, đạt 60% KH. Một số cây lâu năm khác 282 ha/237 ha KH, đạt 118,89% KH.

³ Năm 2019, không có dịch bệnh nguy hiểm gây hại trên cây trồng, tuy nhiên vẫn có một số sâu bệnh phát sinh và gây hại trên một số loại cây trồng nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát. Về công tác kiểm tra: đoàn liên ngành tỉnh, huyện tiến hành kiểm tra 07 cơ sở buôn bán thuốc BVTV tại các xã Ea Tân, Ea Tóh và Đliê Ya qua kiểm tra đã nhắc nhở các đơn vị kinh doanh đúng quy định. Triển khai diệt trừ cây mai dương năm được 15 ha/15 ha, đạt 100% KH.

⁴ Dự án tưới nước hợp lý trên cây cà phê EDGE; 07 mô hình của dự án vnSAT; chương trình sản xuất cà phê kết hợp với bảo tồn tài nguyên và an sinh xã hội huyện (PPI Compact) tại 3 xã Ea Tân, Ea Tóh, Đliê Ya với 4000 hộ tham gia với diện tích 5.200ha

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế như: việc chuyển đổi giống cây trồng ồ ạt, không theo khuyến cáo; công tác bảo quản và chế biến sau thu hoạch còn chưa tốt, giá cả các mặt hàng chủ lực: cà phê, cao su, hồ tiêu... đang ở mức thấp, chất lượng một số giống cây trồng và vật tư nông nghiệp chưa đảm bảo, nên ảnh hưởng đến sản lượng và giá trị sản xuất nông nghiệp.

Chăn nuôi - thú y, thủy sản: tình hình chăn nuôi có chiều hướng tăng so với năm 2018 và vượt kế hoạch đề ra⁵, cơ cấu giống vật nuôi có sự chuyển biến tích cực. Công tác phòng, ngừa và khống chế dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được thực hiện tốt⁶, đã khống chế được dịch tả lợn châu phi.

Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 577/582 ha KH, đạt 99,14% KH; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 1.157/1.550 tấn KH, đạt 74,64% so với kế hoạch đề ra.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Đạt được nhiều kết quả khả quan, đến cuối năm 2019, số tiêu chí đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn là 172 tiêu chí, đạt bình quân **15,64** tiêu chí/xã, tăng 7 tiêu chí so với năm 2018. Tổ chức tốt lễ đón nhận xã Phú Xuân đạt chuẩn Nông thôn mới; ký cam kết với tỉnh và phân đấu để đưa xã Ea Tam và Tam Giang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Công tác bảo vệ rừng được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, ngành kiểm lâm đã triển khai nhiều biện pháp nghiệp vụ để bảo vệ, chống xâm hại tài nguyên rừng. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng vẫn còn phức tạp, chưa thực sự giảm so với năm trước⁷. Công tác phòng, chống cháy rừng được thực hiện tốt, trong năm không để xảy ra cháy rừng.

1.2. Công tác quản lý tài nguyên, môi trường:

Thực hiện công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo quy định. Triển khai các công tác như: lập, trình thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; xây dựng bảng giá các loại

⁵ Tổng đàn bò 10.874 con, đạt 106,77 % so với cùng kỳ năm 2018; đạt 106,61% so với kế hoạch. Tổng đàn trâu: 1.160 con, đạt 102,83 % so với cùng kỳ năm 2018; đạt 102,20% so với kế hoạch. Tổng đàn lợn: 22.711 con, đạt 90,42 % so với cùng kỳ năm 2018; đạt 90,13% so với kế hoạch. Tổng đàn gia cầm: 750.000 con, đạt 174,82 % so với cùng kỳ năm 2018; đạt 100% so với kế hoạch. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 9.236 tấn đạt 89,21% so cùng kỳ năm 2018; đạt 91,03% so với kế hoạch.

⁶ Công tác tiêm phòng vắc xin: Triển khai tiêm phòng vắc xin phòng bệnh dại cho chó, mèo được 4.300/4.100 liều (con), đạt tỷ lệ 105 % KH tỉnh giao. Triển khai tiêm phòng vắc xin LMLM cho heo đợt 1 năm 2019 được 7.000/7.000 liều (con), đạt tỷ lệ 100 % KH vắc xin tỉnh giao. Triển khai tiêm phòng vắc xin LMLM cho trâu, bò đợt 2 năm 2019 được 5.700/5.700 liều (con), đạt tỷ lệ 100 % KH vắc xin tỉnh giao. Triển khai tiêm phòng vắc xin tụ huyết trùng cho trâu, bò được 1.900/1.900 liều (con), đạt tỷ lệ 100 % KH vắc xin tỉnh giao. Triển khai tiêm phòng vắc xin kép lợn (THT, PTH, DTL) đợt 1/2019 được 1.650/1.650 liều (con), đạt tỷ lệ 100 % KH vắc xin tỉnh giao. Triển khai tiêm phòng vắc xin kép lợn (THT, PTH, DTL) đợt 2/2019 được 1.650/1.650 liều (con), đạt tỷ lệ 100 % KH vắc xin tỉnh giao.

Tổ chức vệ sinh tiêu độc, khử trùng chống Dịch tả lợn Châu Phi đã tiếp nhận 300 lít hóa chất Vetvaco-Iodine và đang triển khai thực hiện tại 12 xã, thị trấn cho các hộ dân chăn nuôi heo trên toàn huyện.

⁷ Đã phát hiện 46 vụ vi phạm lâm luật, giảm 2 vụ so năm trước, trong đó: phá rừng 2 vụ (giảm 7 vụ so năm 2018: diện tích rừng giảm 0,4 ha), vận chuyển mua bán lâm sản 42 vụ (tăng 6 vụ so với năm 2018); vi phạm khác 01 vụ. Số vụ đã xử lý 58 vụ, qua đó đã tịch thu 57,793 m³ gỗ, thu tiền xử phạt là 839 triệu đồng, tịch thu 50 phương tiện

đất áp dụng trên địa bàn huyện giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; lập danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

Tiếp tục tập trung xử lý tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích trên địa bàn huyện. Rà soát quỹ đất công, xây dựng phương án quản lý, bố trí sử dụng đất công theo quy hoạch, kế hoạch.

Công tác quản lý và giải quyết thủ tục về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định⁸. Trong năm, đã cấp 940 GCN quyền sử dụng đất với diện tích 328,95 ha (đất ở 8,04 ha và đất nông nghiệp 320,91 ha); Tính đến nay, diện tích đã cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân là 32.027/36.348 ha, đạt tỷ lệ 88,2% (KH 88%) so với diện tích cần cấp GCN (36.348 ha), chuyển mục đích sử dụng đất 6,98 ha⁹.

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường ngày càng được quan tâm, chú trọng, huyện đang tiến hành xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện¹⁰; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom tại trung tâm thị trấn Krông Năng đạt tỷ lệ 98% (KH 98%) và trung tâm các xã đạt tỷ lệ 92% (KH 92%).

1.3. Công nghiệp - xây dựng, giao thông vận tải:

Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và xây dựng (theo giá so sánh 2010) ước đạt 1.120 tỷ đồng, đạt 96,7% kế hoạch đề ra (KH 1.158 tỷ đồng).

Xây dựng: Công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng từng bước đi vào nề nếp, đảm bảo theo đúng quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt¹¹. Quan tâm thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Krông Năng và điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã phù hợp tình hình thực tế¹². Quan tâm đầu tư, nâng cấp, sửa chữa nhiều dự án

⁸ Thu hồi đất: Thu hồi 4.989,6 m² đất của 16 cá nhân để thực hiện 02 dự án và giao diện tích đất thu hồi cho các xã quản lý. Thẩm định, trình phê duyệt 04 phương án bồi thường, hỗ trợ với giá trị: 2.828.894.000 đồng. Trình thẩm định Phương án quản lý, sử dụng đất đối với đất thu hồi từ Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk và Công ty TNHH MTV Ea Sim, Công ty TNHH MTV cà phê Phước An.

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở cho: 361 hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, với diện tích 69.800 m² (6,98 ha), thu tiền CMD: 11.287.519.000 đ (trong đó ghi nợ TSDĐ: 7.540.236.000 đ).

¹⁰ Thực hiện quan trắc môi trường 08 cơ sở đốt than củi có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường cho 21 cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; xác nhận đăng ký khai thác công trình nước cho 01 cơ sở trên địa bàn huyện. Triển khai tổ chức hưởng ứng Ngày nước Thế giới năm 2019, lễ phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện.

¹¹ Cấp 73 giấy phép xây dựng với tổng diện tích xây dựng: 6.939,7 m², tổng diện tích sàn: 8.371,8 m². (Trong đó: nhà ở riêng lẻ nông thôn: 12 giấy phép; nhà ở đô thị: 57 giấy phép; công trình khác: 04 giấy phép)

¹² Hoàn thành việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng NTM các xã: Ea Púk, Tam Giang, Đliêya, Ea Tóh, Phú Xuân, Ea Hồ. Hoàn thành việc tham mưu điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Krông Năng tại khu vực đất giáp Trung tâm giáo dục thường xuyên và đường phía Bắc chợ trung tâm thị trấn Krông Năng. Tiến hành lập, thẩm định và tham mưu UBND huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chợ Trung tâm thị trấn. Hoàn thành việc thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Lộc Tân, xã Phú Lộc.

giao thông¹³... góp phần làm cho giao thông thuận lợi hơn và tạo cảnh quan văn minh. Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng, chi phí của công trình theo quy định¹⁴.

Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp: có 01 nhà máy chế biến tinh bột sắn đang được xây dựng tại xã Ea Dăh; đa số các cơ sở tiểu thủ công nghiệp ở quy mô nhỏ, ít lao động; huyện đã và đang quan tâm triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn, xây dựng kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và triển khai đề án khuyến công địa phương nhằm hỗ trợ phát triển công nghiệp như: đề án khuyến công địa phương tại xã Ea Tân.

Giao thông vận tải: Hoạt động vận tải cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông: xử lý nghiêm các trường hợp xả nước, phá hoại gây hỏng đường và công trình giao thông; cấm biển báo giao thông, biển báo tải trọng, phát quang các tuyến đường để đảm bảo an toàn giao thông.

1.4. Thương mại, dịch vụ, khoa học công nghệ

Thương mại, dịch vụ:

Giá trị sản xuất toàn ngành thương mại dịch vụ (theo giá so sánh 2010) ước đạt 1.947 tỷ đồng, đạt 97,1% kế hoạch đề ra (KH 2.005 tỷ đồng).

Nhìn chung, tình hình lưu thông hàng hóa, giá cả thị trường tương đối ổn định, hàng hóa đa dạng đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm hàng hóa; tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh và khai thác chợ trên địa bàn huyện¹⁵.

Khoa học Công nghệ: tiếp tục triển khai đề tài KHCN cấp cơ sở tạo lập nhãn hiệu chứng nhận Mắc Ca Không Năng; xây dựng kế hoạch chuyển đổi, cải tiến và mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 tại các cơ quan chuyên môn của huyện; duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tại các xã đã triển khai,

1.5. Đầu tư xây dựng cơ bản:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) năm 2019 là: 124,88 tỷ đồng. Trong đó: nguồn phân bổ ổn định vốn cho đầu tư phát triển bổ sung từ

¹³ Thực hiện nhiều dự án: mở rộng đường giao thông trung tâm các xã Ea Tân, Cư Klông, Ea Tam...; nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương, thị trấn...; nâng cấp nhiều tuyến đường liên xã: Phú Xuân - Ea Dăh; sửa các tuyến liên xã và đường liên thôn.

Lắp đặt bổ sung các cụm đèn tín hiệu giao thông đường bộ tuyến tỉnh lộ 3: ngã ba Phú Xuân đi Ea Dăh, đề nghị Sở GTVT tỉnh tăng cường quản lý các cụm đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện.

¹⁴ Thẩm định báo cáo KTKT 80 công trình: Tổng mức đầu tư do chủ đầu tư trình là: 151,831 tỷ đồng, tổng mức đầu tư sau khi thẩm định là: 151,244 tỷ đồng, chênh lệch giảm 587 triệu đồng, tỷ lệ giảm 0,39%.

Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng 86 công trình; kiểm tra chất lượng công trình đối với 28 công trình, kết quả cho thấy đa số các công trình đều đảm bảo chất lượng theo quy định, đã nghiêm túc chấn chỉnh công tác xây dựng đối với một số công trình.

¹⁵ Kiện toàn Ban chuyển đổi mô hình kinh doanh – quản lý chợ trên địa bàn huyện Tổ chức đấu thầu kinh doanh - quản lý chợ trung tâm xã Ea Tân, Phú Lộc.

ngân sách tỉnh là 4,5 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách huyện là 52,64 tỷ đồng; chương trình mục tiêu quốc gia chương trình MTQG là 33,57 tỷ đồng; nguồn vốn kéo dài sang năm 2019 là 1,54 tỷ đồng; kế hoạch vốn đầu tư thuộc ngân sách tỉnh: 32,63 tỷ đồng.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư XDCB tính đến 30/11/2019 là 80,62/124,83 tỷ đồng, đạt 64,56% kế hoạch¹⁶. UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, địa phương, chủ đầu tư tích cực đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng và giải ngân vốn theo kế hoạch đã đề ra.

1.6. Tài chính - ngân sách:

Ước thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2019 là 83,05 tỷ đồng, đạt 106,61 % dự toán tỉnh giao (KH 77,9 tỷ đồng), đạt 79,47% (KH 104,5 tỷ đồng). Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí: 48,06 tỷ đồng; thu biện pháp tài chính: 34,99 tỷ đồng.

Ước chi ngân sách địa phương của năm 2019 là 565,01 tỷ đồng, đạt 102,41% so với dự toán tỉnh giao (KH 551,717 tỷ đồng), đạt 98,55% dự toán HĐND huyện giao (KH 573,342 tỷ đồng).

Ước tính đến 31/12/2019, đã thu nợ thuế được là 21,633 tỷ đồng (thu nợ thuế năm trước là 8,478 tỷ đồng, thu nợ thuế năm 2019 là 13,155 tỷ đồng); tổng nợ thuế hiện tại còn lại là 26,177 tỷ đồng (nợ có khả năng thu 4,81 tỷ đồng, còn lại 21,367 tỷ đồng nợ khó thu).

1.7. Tình hình kinh tế tập thể và hoạt động hộ kinh doanh:

Tình hình kinh tế tập thể: có 14 Hợp tác xã (HTX) thành lập mới, nâng tổng số HTX trên địa bàn toàn huyện lên 58 HTX¹⁷. Huyện đã quan tâm hỗ trợ, tập huấn và đối thoại để tháo gỡ các khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX.

Tình hình hoạt động hộ kinh doanh: đã cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho 218 hộ kinh doanh có nhu cầu (với số vốn đăng ký là 66,97 tỷ đồng); đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh cho 93 hộ, chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh cho 70 hộ kinh doanh, xác nhận tạm nghỉ kinh doanh 323 hộ kinh doanh.

2. Lĩnh vực Văn hoá - xã hội:

2.1. Giáo dục - đào tạo:

Năm học 2019-2020, toàn huyện có 62 cơ sở giáo dục công lập¹⁸ gồm: 17 trường mầm non, 24 trường Tiểu học, 14 trường THCS, 02 trường TH&THCS (bao gồm trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS), 04 trường THPT và 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên. Toàn huyện có 28/57

¹⁶ Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu đã thanh toán :4,47/4,5 tỷ đồng, đạt 99,33% kế hoạch; Nguồn vốn kéo dài sang năm 2019: 228,7/1544 triệu đồng; Giải ngân cho các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia 2019 (giảm nghèo bền vững và nông thôn mới) là: 28,82/33,56 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 85,87% (tính nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh), tỷ lệ giải ngân đảm bảo tiến độ.

¹⁷ Trong đó: nông nghiệp 45 HTX; thương mại - dịch vụ 08 HTX; xây dựng 01 HTX; vận tải 01 HTX.

¹⁸ Giảm 03 trường (sáp nhập 05 trường thành 02 trường): do sáp nhập trường THCS Quang Trung và TH Không Nặng thành 01 trường; sáp nhập TH Lê Thị Hồng Gấm, TH Võ Thị Sáu, TH Lê Văn Tám thành 01 trường.

trường¹⁹ (do UBND quản lý) đạt chuẩn Quốc gia đạt tỷ lệ 49.1%; duy trì tốt kết quả phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, bậc học tiểu học và trung học cơ sở, củng cố và phát triển mô hình trung tâm học tập cộng đồng; thôn, buôn, tổ dân phố đều có trường hoặc lớp mẫu giáo²⁰.

Cơ sở vật chất ngành giáo dục được quan tâm đầu tư xây dựng và sửa chữa nhiều hạng mục mới để phục vụ dạy và học²¹. Tuy nhiên, cơ sở vật chất vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra, một số phòng học đã xây vẫn còn thiếu trang thiết bị. Số phòng học kiên cố là 520 phòng/966 phòng học, chỉ đạt tỷ lệ 53.8%. Đã công nhận 7 thư viện chuẩn Quốc gia năm học 2018-2019.

Nhìn chung, chất lượng dạy và học trong thời gian được cải thiện, nâng cao hơn do được sự quan tâm chỉ đạo sát sao về: công tác tuyển sinh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra chuyên môn nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục²². Tổ chức các hoạt động tuyên dương ý nghĩa để khích lệ giáo viên và các em học sinh trong dạy và học²³.

2.2. Y tế, dân số:

Công tác khám chữa bệnh ở các tuyến đã đáp ứng được nhu cầu của nhân dân²⁴, quan tâm triển khai công tác giám sát, phòng chống các loại dịch bệnh ở người²⁵. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân; đảm bảo các chế độ, chính sách và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế.

Tập trung triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tăng cường cho y tế cơ sở về nhân lực và chuyên môn, hiện 13/13 trạm y tế đều có bác sỹ²⁶. Khám tuyến nghĩa vụ quân sự gọi công dân nhập ngũ đúng thành phần và đạt tiêu chuẩn về sức khỏe theo quy định.

Hoạt động kiểm tra hành nghề y dược, chất lượng, giá thuốc được tiến hành thường xuyên theo quy định. Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền về dân số, kế hoạch hóa gia đình được tăng cường, hoạt động chăm sóc sức khỏe

¹⁹ Trường đạt chuẩn quốc gia gồm: 8 trường THCS, 16 trường tiểu học, 4 trường mầm non.

²⁰ Công nhận 12/12 đơn vị xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi chiếm tỷ lệ 100% đạt phổ cập GDMN. Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 là 11/12 xã, thị trấn, 01 xã mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS 12/12 xã, thị trấn.

²¹ Đã xây dựng 42 phòng học mới, 4 nhà đa năng, 9 nhà hiệu bộ, sửa chữa 18 phòng học

²² Quản lý điểm bằng phần mềm trực tuyến SMAS 3.0, phần mềm QLHS của Viettel; thực hiện nghiêm túc chương trình học và hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT.

²³ Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, Tổ chức Hội thao ngành Giáo dục lần thứ XIV, tham gia hội thao cấp tỉnh đạt 07 bộ huy chương, tổ chức Hội thi văn nghệ truyền thống ngành giáo dục, tổ chức Lễ tuyên dương khen thưởng các 28 giáo viên 30 học sinh có thành tích xuất sắc trong các kỳ thi hội thi cấp tỉnh và quốc gia, tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

²⁴ Tổng số lượt khám chữa bệnh là 227.609 lượt; tại Trung tâm y tế huyện 126.289/127.300 lượt đạt 99,3% KH, tại trạm y tế các xã thị trấn 101.320/100.000 lượt đạt 101%.

²⁵ Thành lập các đội phòng chống dịch: 02 đội ở huyện, 12 đội ở cơ sở; tập trung phòng chống dịch sốt xuất huyết, bạch hầu, tay chân miệng.. bằng nhiều hình thức: tuyên truyền, tập huấn, xử lý 21 ổ dịch.

²⁶ Tổng số biên chế cán bộ ngành Y tế: 262 người; trong đó có 46 bác sỹ; có 203 cán bộ y tế thôn buôn.

sinh sản, công tác tiêm chủng và phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em được chú trọng²⁷.

Trong quý III/2019, đã thành lập Trung tâm Y tế huyện Krông Năng trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện nhằm đổi mới bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý, hoạt động và chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được quan tâm, tiến hành nhiều đợt kiểm tra an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các xã, thị trấn²⁸; tổ chức tháng hành động về vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.3. Văn hóa - thông tin:

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và gia đình tiếp tục được tăng cường. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền trực quan phục vụ các ngày lễ lớn của Đảng, nhà nước và địa phương²⁹. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức sôi nổi, lành mạnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về tinh thần trong nhân dân³⁰. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được giữ vững và phát triển sâu rộng, gắn với xây dựng nông thôn mới. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ, thu hút đông đảo nhân dân tham gia³¹.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và thông tin truyền thông được quan tâm, triển khai tốt. Duy trì các hoạt động truyền hình, phát thanh để phản ánh kịp thời các sự kiện quan trọng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, của tỉnh và huyện, đáp ứng nhu cầu thông tin của công chúng³².

Phát triển du lịch đã được quan tâm như: thu hút du lịch và tiến hành lập quy hoạch chi tiết Danh lam thắng cảnh thác Thủy Tiên³³; phối hợp với Ban

²⁷ Tổng số trẻ em < 01 tuổi là 2.623 trẻ em; Tiêm chủng đầy đủ cho TE <1 tuổi: 2.446 trẻ, đạt 94% KH năm; Số trẻ được bảo vệ uốn ván sơ sinh 2.445 trẻ đạt 93,2%, Tiêm Uốn ván đủ 2 mũi cho PNCT: 2.554/2.680 bà đạt 95,3%.

²⁸ Thành lập 13 đoàn kiểm tra (huyện 01 đoàn, xã 12 đoàn) về an toàn thực phẩm trên toàn huyện; kiểm tra 200/655 cơ sở, trong đó 167/200 cơ sở, tương ứng 83% đạt ATTP..

²⁹ Treo 2.700 lá cờ các loại, 920 mét băng rôn, 100 mét phướn, 520 m² pano (trong đó 225 m² pano bướm dọc theo đường Nguyễn Tất Thành, thay đổi mới nội dung 202 m² pano tại 07 cụm pano trên đại bản huyện); 03 tiêu đề xấp, đặt các trụ pano hình tam giác dọc đường Nguyễn Tất Thành, thay cờ tại các cổng chào và trên sân bóng chuyền Trung tâm văn hóa huyện. Triển khai trang trí hệ thống đèn Led, đèn màu trang trí tại khu vực Quảng trường và các trục đường trung tâm huyện.

³⁰ Tổ chức các hoạt động: chương trình văn nghệ "Mừng Đảng Mừng Xuân" và biểu diễn lân sư rồng đêm Giao thừa tại Quảng trường huyện; Lễ hội dân gian Văn hóa Việt Bắc – Ea Tam; Hội diễn NTQC các cơ quan, đơn vị, trường học đạt danh hiệu văn hóa 5 năm liền huyện Krông Năng lần thứ I; Xây dựng chương trình văn nghệ "Ngày chủ nhật đỏ", Lễ giao nhận quân huyện Krông Năng năm 2019; ĐH đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Krông Năng lần thứ III;

³¹ Tổ chức Việt dã huyện Krông Năng lần thứ XXV năm 2019; tổ chức Giải quần vợt huyện Krông Năng lần thứ VIII; giải bóng đá mini, tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân (có 12/12 xã, thị trấn tổ chức).

³² Duy trì họp trực tuyến giữa UBND huyện với UBND tỉnh, giữa UBND huyện với 12 xã, thị trấn; sử dụng tốt iDesk về việc gửi nhận văn bản; áp dụng sử dụng chữ ký số đối với tất cả các cơ quan trực thuộc UBND huyện; hướng dẫn Đài Truyền thanh cơ sở các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền các sự kiện, ngày kỷ niệm, các ngày lễ lớn; sửa chữa thiết bị đài truyền thanh các xã Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân.

³³ Năm 2019 đơn vị quản lý thác Thủy Tiên đã đón và phục vụ hơn 20.000 lượt khách đến tham quan, tình hình an ninh trật tự, an toàn cho khách tại khu vực thác luôn được đảm bảo.

quản lý di tích tỉnh tiến hành khảo sát lập hồ sơ đề nghị di tích thác Sơn Long, xã Ea Tam là Di tích cấp tỉnh.

2.4. Lao động, thương binh và xã hội, dân tộc:

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo và giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020³⁴. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm, đã tạo thêm việc làm cho khoảng 1.920 lao động, tổ chức thành công ngày hội việc làm năm 2019³⁵. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 48,8%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 38,8%.

Các chương trình giảm nghèo đã giúp các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số cải thiện cuộc sống. Qua rà soát, tổng số hộ nghèo là 2.328 hộ, chiếm tỷ lệ 7,18%, giảm 2,7% so với cuối năm 2018 (KH giao 3,09%) chưa đạt kế hoạch đề ra³⁶; tổng số hộ cận nghèo là 5.792 hộ, chiếm tỷ lệ 17,87%; giảm 0,5% so với cuối năm 2018³⁷.

Chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, cứu trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định hiện hành³⁸. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, tuyên truyền về Luật bình đẳng giới được thực hiện tích cực³⁹.

Công tác dân tộc: thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống và an ninh trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thăm hỏi, tặng quà cho 91 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết nguyên đán 2019. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các DTTS huyện lần thứ III. Thực hiện rà soát và

³⁴ Trong năm 2019, triển khai nguồn vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững với 7.798 triệu đồng. Trong đó dự án đầu tư cơ sở hạ tầng là 5.340 triệu đồng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho xã vùng III là 1.608 triệu đồng, dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo là 820 triệu đồng, dự án nâng cao năng lực giảm nghèo và kiểm tra, giám sát chương trình là 30 triệu đồng.

³⁵ Đạt kết quả với tổng số với 10 doanh nghiệp và khoảng trên 600 lao động tham gia, phối hợp với trung tâm việc làm tỉnh tổ chức 01 phiên giao dịch việc làm lưu động tại 04 xã (Ea Tóh, Phú Lộc, Dlièya, Ea Tân) với khoảng 07 doanh nghiệp và 200 người lao động tham gia.

³⁶ Cụ thể: Các xã, thị trấn đạt vượt kế hoạch giao: 05 xã bao gồm: Thị trấn Krông Năng, Ea Tam, Ea Tân, Phú Lộc; Các xã xấp xỉ đạt theo kế hoạch gồm 04 xã: Tam Giang, Ea Tóh, Ea Dăh, Cư Klông; Các xã không đạt và đạt thấp gồm 03 xã: Ea Púk, Dlièya, Ea Hồ.

³⁷ Hoàn thành việc nhập dữ liệu phần mềm phiếu C, phiếu C1 (thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, thông tin hộ gia đình có người đang nhận trợ cấp, trợ giúp xã hội hàng tháng) trên địa bàn huyện.

³⁸ Người có công và đối tượng liên quan khác đang hưởng chế độ 1.223 người. Trong năm, đã giải quyết chế độ chính sách cho 160 HS đề nghị; chi trả trợ cấp hàng tháng với kinh phí 1,45 tỷ đồng, trợ cấp khác 364,110 triệu đồng; thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán 801,6 triệu đồng, thăm hỏi, tặng quà nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 406 triệu đồng, đối tượng hưởng BHYT là 2.093 người.

- Bảo trợ xã hội: Tiếp nhận và tham mưu giải quyết chế độ BTXH 864 hồ sơ; tổng số đối tượng đang hưởng chế độ BTXH 3.487 đối tượng, chi trả trợ cấp hàng tháng 15,61 tỷ đồng, chi trả mai táng phí 777,6 triệu đồng, thăm tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán 432,6 triệu đồng, thăm tặng quà cho người cao tuổi 12,2 triệu đồng, thăm tặng quà cho 20 bệnh nhân phải nằm viện điều trị trong đêm giao thừa 6 triệu đồng, thăm tặng quà buôn bán cứu cách mạng tại xã Dlièya 4,5 triệu đồng, tặng quà cho cán bộ chiến sỹ trực nhà giam của công an huyện 2,5 triệu đồng.

- Cứu trợ: Tổ chức cứu đói trọng dịp tết Nguyên Đán cho 885 hộ (2800 khẩu) với 42.000 kg; cứu đói giáp hạt cho 3.461 nhân khẩu với 51.915 kg; cứu trợ 16 hộ gia đình có người chết và hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai 92,2 triệu đồng.

³⁹ Tổ chức thăm tặng quà dịp Tết Nguyên Đán cho 13 trẻ em (3,9 triệu đồng); tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em tại xã Tam Giang (12 triệu đồng); Phối hợp với Bảo hiểm AIA tặng 15 xe đạp cho 15 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; Xây dựng 01 nhà tình thương với kinh phí 60 triệu đồng (Quỹ BTTE tỉnh 50 triệu đồng, ngân sách huyện 10 triệu đồng).

đăng ký bổ sung các thôn buôn, xã đặc biệt khó khăn, tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững⁴⁰ và thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Lĩnh vực an ninh – quốc phòng, nội chính:

3.1. Quốc phòng: Xây dựng kế hoạch và duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tăng cường bảo vệ quốc phòng, an ninh trong dịp Lễ, Tết, ngày kỷ niệm quan trọng của đất nước theo đúng quy định. Tổ chức các hoạt động Lễ ra quân huấn luyện, đón nhận quân nhân xuất ngũ trở về địa phương và giao, nhận quân đạt chỉ tiêu đề ra.

Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện đúng theo kế hoạch đạt kết quả tốt, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị. Tổ chức diễn tập phòng thủ cho xã Phú Xuân, Phú Lộc, Dliêya, Công ty TNHH MTV cà phê 49 theo đúng kế hoạch đề ra. Tiếp tục khảo sát, hoàn chỉnh thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trường bắn, thao trường huấn luyện tổng hợp của thị trấn Krông Năng.

3.2. An ninh, trật tự an toàn xã hội:

Triển khai có hiệu quả các kế hoạch phòng, chống vượt biên trong vùng dân tộc thiểu số; kế hoạch phòng, chống ma túy; kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian diễn ra các sự kiện, dịp lễ của các tôn giáo; kiểm soát, lực lượng thường xuyên bám sát địa bàn. Do đó, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện tiếp tục được giữ vững, không để xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ; đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trên một số lĩnh vực như tội phạm hình sự, ma túy và tệ nạn xã hội, tình hình hoạt động của tội phạm liên quan đến “tín dụng đen” trên địa bàn huyện có diễn biến phức tạp, đã phát hiện và triệt phá 01 nhóm 07 đối tượng hoạt động tại 03 điểm trên địa bàn các xã Tam Giang, Ea Tóh và thị trấn Krông Năng.

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được tăng cường. So với năm 2018, tình hình tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí, số vụ giảm 27,77%, số người chết giảm 36,36%, số người bị thương giảm 25%).

3.3. Tư pháp, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng:

Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2019, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thi hành pháp luật và tuyên truyền pháp luật⁴¹. Quan tâm triển khai xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật,

⁴⁰ Chương trình 135: tổng số vốn được giao: 6.678 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 5.340 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 1.338 triệu đồng đã triển khai cho các xã, thị trấn thực hiện.

⁴¹ Tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu Bộ Luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn huyện, tổ chức 02 Hội nghị phổ biến, quán triệt các Luật mới ban hành: Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Hội nghị hưởng ứng Ngày Pháp luật.

hòa giải ở cơ sở⁴². Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và ứng dụng phần mềm quản lý hộ tịch đạt kết quả cao⁴³.

Công tác thanh tra được thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra (tiến hành thanh tra 06 vụ việc, đã ban hành 04 kết luận thanh tra, đang dự thảo 02 kết luận). Qua thanh tra góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vi phạm về công tác quản lý đất đai kịp thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được đảm bảo đúng trình tự; Qua công tác tiếp dân và tiếp nhận đơn thư được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định⁴⁴. Tiếp tục duy trì việc Lãnh đạo UBND huyện tiếp công dân tại trụ sở các xã, thị trấn vào ngày 15 hằng tháng.

3.4. Công tác thi hành án dân sự:

Tổng số việc đã thụ lý là: 1.589 việc, tăng 129 việc so với cùng kỳ năm 2018. Số việc thi hành xong là: 1.101 việc đạt tỷ lệ 87% trên số việc có điều kiện thi hành KH (74%).

Tổng số tiền đã thụ lý là: 71.544.131.000 đồng, tăng 23.974.078.000 đồng so với cùng kỳ năm 2018. Số tiền thi hành xong là: 9.863.893.000 đồng đạt tỷ lệ 39% trên số việc có điều kiện thi hành (KH 34%).

3.5. Công tác nội vụ, xây dựng chính quyền:

Thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy và biên chế, công tác điều động, bổ nhiệm và giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định. Quan tâm công tác thi đua khen thưởng và đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức. Hoàn thành việc xét tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục và của Ban quản lý các dự án xây dựng thuộc UBND huyện năm 2019.

Công tác dân vận chính quyền luôn được quan tâm kịp thời và thường xuyên. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Các nhu cầu của tôn giáo được chính quyền quan tâm, giải quyết nên đại đa số tín đồ và các cơ sở tôn giáo đều đã nghiêm túc chấp hành, tổ chức sinh hoạt tôn giáo thuần túy và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

⁴² Tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở; toàn huyện có 11/12 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018, tiếp nhận 88 vụ việc tiếp nhận hoà giải, trong đó có 59 vụ hoà giải thành, 29 vụ hoà giải không thành.

⁴³ Đã cấp đăng ký khai sinh 2817 trường hợp; đăng ký khai tử 513 trường hợp; đăng ký kết hôn cho 908 trường hợp. Công tác chứng thực: đã chứng thực 144.419 bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản 7008 việc, chứng thực 3512 hợp đồng giao dịch.

⁴⁴ Toàn huyện đã tổ chức tiếp công dân: 270 lượt/180 vụ việc, so với cùng kỳ năm trước số lượt tiếp công dân tăng 11% (270/243) vụ việc, chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai, chế độ chính sách

Đã tiếp nhận 392 đơn/387 vụ việc. Trong đó (Khiếu nại: 06 vụ, Tố cáo: 02 vụ, KNPA: 379 vụ), các nội dung chủ yếu về: lĩnh vực đất đai, đền bù, dân sự, chế độ chính sách; 37 vụ đơn theo quy định, 351 vụ đủ điều kiện được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền hoặc hướng dẫn công dân theo quy định.

Kết quả xử lý đơn thư KN, TC: 06/06 khiếu nại và 01/01 vụ tố cáo đã được giải quyết theo quy định.

Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn kiện toàn thôn, buôn, tổ dân phố; đồng thời xây dựng Phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã và thôn, buôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn trên địa bàn huyện Krông Năng lộ trình từ nay đến năm 2021. Xây dựng phương án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã⁴⁵.

3.6. Công tác Cải cách hành chính:

Tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân về nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước của huyện năm 2019, với trọng tâm là: “Sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; đồng thời chỉ đạo các cơ quan đơn vị khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong năm 2019 và khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính năm 2018.

Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính tỉnh, huyện Krông Năng xếp thứ 2/15 huyện, thị xã, thành phố; áp dụng chữ ký số tại Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn; sử dụng mạng xã hội Zalo để làm kênh tương tác giữa nhân dân với chính quyền huyện Krông Năng và đang hoàn thiện để ứng dụng giải quyết TTHC ở mức độ 3 và mức độ 4; đưa vào hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã là Bưu điện Văn hóa xã tại xã Đliêya và xã Ea Tân.

Tiến hành triển khai điều tra xã hội học đánh giá sự hài lòng của người dân về bộ máy hành chính; tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính các xã, thị trấn, các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện, tổ chức đánh giá xếp hạng cuối năm theo đúng quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm cơ bản:

Tuy gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, các doanh nghiệp trên địa bàn, tăng trưởng giá trị sản xuất của huyện đạt tốc độ 6,08%; Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp có bước phát triển về số lượng cũng như chất lượng; thương mại và dịch vụ tiếp tục phát triển bền vững; Cơ sở hạ tầng đã và đang được xây dựng, nâng cấp là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa - xã hội có những bước tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện. Cải cách hành chính có những bước tiến bộ đáng kể vươn lên đứng thứ 2/15 huyện, thị xã, thành phố. Thu ngân sách đã vượt so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

1. Về kết quả thực hiện 18 Chỉ tiêu HĐND huyện giao: có 13 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 03 chỉ tiêu không đạt 1 phần, 02 chỉ tiêu không đạt, cụ thể:

1.1. Chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch gồm: (2) huy động vốn đầu tư toàn xã hội; (4) Phát triển hạ tầng; (5) tỷ lệ tăng dân số tự nhiên; (6) tạo mới việc làm, tỷ lệ đào tạo nghề; (9) danh hiệu văn hóa; (10) nông thôn mới; (11) tiêu chí y tế; (12) dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh; (14) tỷ lệ thu gom rác thải; (15) tỷ lệ cấp

⁴⁵ Xã Ea Tôh đã bố trí 06 Công an chính quy; đang thực hiện quy trình bố trí công an chính quy tại các xã: Đliêya, Phú Xuân, Ea Tam.

GCN quyền sử dụng đất lần đầu; 16) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh (17) tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; (18) nội vụ, tổ chức bộ máy chính quyền.

1.2. Các chỉ tiêu không đạt gồm:

Chỉ tiêu số (7): Tỷ lệ hộ nghèo giảm nghèo đạt **2,7%** (KH 3,09%).

Lý do: nguồn lực đầu tư còn ít, giá cả nông sản liên tục sụt giảm, tiêu chuẩn hộ nghèo tiếp cận theo tiêu chí đa chiều, người dân có tâm lý ỷ lại muốn được hưởng chế độ.

Chỉ tiêu số (8): Công nhận mới 01 trường đạt chuẩn Quốc gia (KH 02-03 trường).

Lý do: Đang trong quá trình kiểm tra của phòng khảo thí kiểm định chất lượng của tỉnh.

1.3. Các chỉ tiêu không đạt một phần gồm:

- **Chỉ tiêu số (1):** Tăng trưởng giá trị sản xuất: chỉ đạt 6,08% (KH từ 8% trở lên)

Lý do: Tình hình thiên tai, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, nhất là Dịch tả lợn Châu Phi, giá cả nông sản xuống thấp đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của nhân dân.

- **Chỉ tiêu số (3):** Ước thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2019 là 83,05 tỷ đồng, đạt 106,61 % dự toán tỉnh giao (KH 77,9 tỷ đồng), đạt 79,47% (KH 104,5 tỷ đồng). Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí: 48,06 tỷ đồng; thu biện pháp tài chính: 34,99 tỷ đồng.

Lý do: Công tác đấu giá quyền sử dụng đất đã được triển khai thực hiện, tuy nhiên đấu giá được rất ít do tình hình đời sống và sản xuất của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

- **Chỉ tiêu số (13):** không đạt chỉ tiêu thành phần tỷ lệ đường nội thị có cây xanh đạt 68,8% (KH 80%).

Lý do: trong năm đã có kế hoạch trồng mới cây xanh, tuy nhiên do giống cây chưa đảm bảo về độ cao, lớn nên sẽ trồng vào đầu năm 2019.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn một số tồn tại, hạn chế như sau:

UBND huyện đã thực hiện phân cấp, phân quyền giải quyết nhiệm vụ chuyên môn cho các phòng ban, đơn vị liên quan (*theo Công văn số 51/UBND-VP ngày 19/01/2018*) nhưng sự chủ động trong giải quyết nhiệm vụ chuyên môn ở một số đơn vị chưa cao, chưa phát huy được vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, còn thụ động chờ sự chỉ đạo của UBND huyện. Nhiều đơn vị chậm thực hiện nhiệm vụ UBND huyện giao.

Dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn huyện còn diễn biến phức tạp; công tác tuyên truyền chưa sâu, rộng, ý thức của một số bộ phận nhân dân trong phòng, chống bệnh chưa cao.

Tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp nhất là Dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện; giá cả nông sản chủ lực xuống thấp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất của nhân dân

Tình trạng vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp. Một số vụ việc khiếu nại đã được giải quyết nhưng nhân dân chưa đồng tình và tiếp tục khiếu nại như: các hộ dân kinh tế mới Nam Hà, đất khu vực trung tâm xã Ea Tân,...

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, ĐẢM BẢO AN NINH - QUỐC PHÒNG NĂM 2020

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn năm 2016-2020, đồng thời cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, tiến tới Đại hội toàn Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, do đó, khối lượng công việc rất lớn. Kế thừa những kết quả đạt được qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII của huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển của huyện. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn, cùng với những tiềm năng, lợi thế của địa phương đang ngày càng được phát huy sẽ có thêm điều kiện để huyện đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

1. Thuận lợi:

Trong bối cảnh kinh tế tỉnh Đắk Lắk có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư vào tỉnh được xúc tiến, đã tạo cơ hội cho huyện tận dụng lợi thế để có bước đi đúng đắn trong việc phát triển kinh tế xã hội. Các nguồn vốn đầu tư phi chính phủ đối vào địa bàn huyện đã có nhiều bước tiến mới, đặc biệt là đối với lĩnh vực giáo dục và nông nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Hệ thống các văn bản pháp luật mới được ban hành tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho người dân và các doanh nghiệp, hỗ trợ kinh doanh phát triển sản xuất: Luật Trồng trọt, luật chăn nuôi...

Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Thường trực Huyện ủy, giám sát, phản biện của HĐND huyện, UBMTTQ Việt Nam huyện và sự đồng thuận, quan tâm của nhân dân vào việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đã tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Hệ thống chính trị được kiện toàn từ huyện đến cơ sở, cán bộ công chức có tinh thần trách nhiệm, có chuyên môn nghiệp vụ tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.

2. Khó khăn:

Giá cả một số mặt hàng nông sản tiếp tục giảm, các dịch bệnh trên gia súc gia cầm diễn biến khó lường nên gây khó khăn cho người dân trong việc sản xuất, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

Nguồn vốn đầu tư công của huyện chủ yếu phụ thuộc vào tiền đấu giá quyền sử dụng đất, tuy nhiên thời gian qua do kinh tế nhân dân khó khăn nên công tác đấu giá quyền sử dụng đất không đạt theo kế hoạch do đó ảnh hưởng đến tiến độ thu ngân sách và giải ngân vốn xây dựng cơ bản.

Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn; một số vướng mắc, chông chéo của pháp luật chậm được cơ quan chuyên môn cấp trên giải quyết.

Một số địa phương chưa thực sự chủ động trong việc giải quyết các nhu cầu của nhân dân như: giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo nên còn gây bức xúc trong nhân dân.

Tình hình an ninh trật tự ổn định, tuy nhiên tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp như trộm cắp, ma túy, an toàn giao thông,...

II. MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát: Phần đầu đạt cao các chỉ tiêu, thực hiện thành công Nghị quyết, kế hoạch của giai đoạn 2016-2020. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, thúc đẩy cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và chăm lo cho đời sống, sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường, giữ vững quốc an ninh quốc phòng và đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2020

Trên cơ sở ước thực hiện năm 2019 với những nguồn lực, khả năng phát triển kinh tế của huyện và căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 04/5/2016 của HĐND huyện, UBND huyện xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 như sau:

2.1 Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 đạt từ 8-9%. Trong đó: ngành nông - lâm và thủy sản đạt 4-5%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 16-17%; ngành dịch vụ đạt 12,98%.

Cơ cấu kinh tế (*theo giá hiện hành*): nông - lâm – thủy sản 55,04%; công nghiệp - xây dựng 16,91%; dịch vụ 28,05%.

(2) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.037 tỷ đồng.

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 115 tỷ đồng. Trong đó: thu thuế, phí và lệ phí 55 tỷ đồng; thu biện pháp tài chính đạt 60 tỷ đồng.

(4) Phát triển hạ tầng: đảm bảo nước tưới cho 80,04% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp nhựa hoá, cứng hóa đường huyện đạt 100%, đường xã đạt 58%; số thôn, buôn có điện đạt 100% và số hộ được dùng điện đạt 100%.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội:

(5) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 10‰;

(6) Tạo việc làm mới cho khoảng 1.950 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt từ 39% trở lên.

(7) Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 4,79%.

(8) Công nhận mới 02-03 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Danh hiệu văn hoá: hộ gia đình đạt 85%; thôn, buôn, tổ dân phố đạt 82%; cơ quan, trường học đạt 95%.

(10) Giữ vững và nâng cao chất lượng 6 xã đạt từ 16 tiêu chí nông thôn mới trở lên.

(11) Duy trì, giữ vững tỷ lệ 100% số xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sỹ. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn dưới 15%.

2.3. Các chỉ tiêu môi trường:

(12) Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,1%.

(13) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 13,7%; tỷ lệ đường nội thị của thị trấn Krông Năng có cây xanh đạt 80%.

(14) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại trung tâm thị trấn Krông Năng đạt 100%; trung tâm các xã đạt 95%.

(15) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đạt 89% đối với diện tích cần cấp đã được đo đạc bản đồ địa chính.

2.4. Chỉ tiêu an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội:

(16) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; Tuyển chọn công nhân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đạt kế hoạch đề ra;

Nâng cao tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều tra, khám phá án hình sự đạt từ 85% trở lên; trong đó: án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 90% trở lên. Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, phấn đấu giảm tỷ lệ tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí (số vụ, số người chết và bị thương) so với năm 2019 từ 5% trở lên.

(17) Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp tồn đọng;

(18) Thường xuyên củng cố, kiện toàn về tổ chức bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; duy trì và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, quy chế phối hợp; thực hiện tốt Luật Công chức - Viên chức; 100% cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ (trong đó có từ 20% trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền và chú trọng công tác thi đua, khen thưởng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

Với các mục tiêu và chỉ tiêu nêu trên, UBND huyện đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển chủ yếu trong năm 2020 như sau:

1. Về phát triển Kinh tế

1.1. Nông nghiệp, Lâm nghiệp.

Tập trung các biện pháp, tổ chức các hình thức phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững; tiếp tục rà soát diện tích các loại cây trồng lâu năm và cây hàng năm để xây dựng đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện.

Tăng cường ứng dụng công nghệ cao, khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường; đẩy mạnh liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi, ứng dụng khoa học - công nghệ và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình PPI - Chương trình sản xuất kết hợp với bảo tồn tài nguyên và an sinh xã hội.

Kiểm soát và ngăn chặn lây lan dịch bệnh cây trồng và vật nuôi; khắc phục hậu quả của dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi. Nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi nhằm phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp hậu quả.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; huy động, lồng ghép, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tập trung bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng còn; chủ động ngăn ngừa, bố trí lực lượng Kiểm lâm tăng cường về địa bàn xã; huy động lực lượng liên ngành chốt chặn, tuần tra, truy quét đột xuất...nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá rừng, khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản.

1.2. Tài nguyên và Môi trường.

Tăng cường công tác quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản. Chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đặc biệt là triển khai quản lý, sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc thu hồi của công ty, nông trường.

Chỉ đạo, giải quyết các tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất tại trung tâm các xã, thị trấn, đặc biệt là chợ xã Ea Tam, trung tâm xã Ea Dăh, trung tâm xã Đliê Ya,...

1.3. Tài chính - Ngân sách:

Tăng cường các biện pháp thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát trong việc thu, chi ngân sách, thực hiện tốt các giải pháp trong công tác điều hành ngân sách năm 2020.

Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính; tăng cường quản lý thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các loại thuế, phí theo quy định; đặc biệt tập trung triển khai tốt các đề án chống thất thu thuế như: thu thuế xây dựng nhà ở tư nhân, cưỡng chế thu nợ đọng thuế, thu thuế kinh doanh trên đất nông nghiệp trái phép... Phân đầu đạt và vượt mức dự toán ngân sách nhà nước 2020 đề ra.

Quản lý chi, sử dụng ngân sách đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát trong chi tiêu ngân sách, ưu tiên các chính sách lương và an sinh xã hội; thực hiện tiết kiệm chi theo quy định.

1.4. Quy hoạch - Xây dựng

Tiếp tục triển khai thực hiện điều chỉnh tổng thể quy hoạch thị trấn Krông Năng đến năm 2030. Triển khai điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Krông Năng đến năm 2020.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 – 2025 như: Xây dựng nhà Văn hóa xã Ea Púk, cổng chào điện trang trí trục đường Trần Hưng Đạo... Chỉ đạo các đơn vị, chủ đầu tư tăng cường chỉ đạo, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình.

1.5. Giao thông Vận tải:

Tiến hành kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn huyện; lập kế hoạch duy tu sửa chữa các tuyến đường huyện quản lý; đồng thời đăng ký danh mục công trình cần đầu tư khi có chương trình, nguồn vốn đầu tư từ tỉnh, trung ương.

Đôn đốc các xã triển khai duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường xã quản lý, phát quang tầm nhìn nhằm hạn chế tai nạn giao thông. Quản lý tốt hành lang an toàn giao thông.

Kịp thời rà soát, điều chỉnh các quy hoạch trên địa bàn huyện để đáp ứng yêu cầu thực tế. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, trật tự đô thị và hành lang an toàn giao thông.

1.6. Công nghiệp – Thương mại – Dịch vụ - KHCN:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại - dịch vụ. Thường xuyên nắm bắt tình hình giá cả thị trường, đảm bảo bình ổn giá các mặt hàng

thiết yếu trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác kiểm tra về giá và chất lượng đối với các mặt hàng: xăng dầu, phân bón, thuốc BVTV, sữa cho trẻ em. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ cho Doanh nghiệp, HTX quản lý. Tăng cường mở rộng hoạt động bán buôn, bán lẻ, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển dịch vụ.

Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình và có cơ chế, chính sách phù hợp phát triển các ngành nghề có lợi thế trên địa bàn huyện.

Quan tâm hơn đến quản lý khoa học công nghệ, triển khai các đề tài KHCN và duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO trong các cơ quan hành chính.

Tiếp tục kêu gọi thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội huyện.

2. Về phát triển Văn hóa – Xã hội:

2.1. Giáo dục - Đào tạo, việc làm:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục - đào tạo và dạy nghề. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục, tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Tiếp tục nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục. Thực hiện sáp nhập các trường học đủ điều kiện sát nhập theo kế hoạch đã đề ra. Thực hiện tốt công tác quản lý, điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên ngành giáo dục.

Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, khảo sát thị trường lao động và giải quyết việc làm; đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, tư vấn việc làm bằng nhiều hình thức.

2.2. Y tế, chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo.

Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm ở người. Thực hiện hiệu quả bảo hiểm y tế toàn dân. Quản lý giá thuốc chữa bệnh, duy trì tốt công tác khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường các hoạt động truyền thông về dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, thường xuyên kiểm tra công tác khám, chữa bệnh các cơ sở y, dược tư nhân trên địa bàn.

Tập trung thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân, thực hiện giảm nghèo bền vững. Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định các chính sách an sinh xã hội, qua các chính sách đối với người có công, công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội Chú trọng công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, gia đình, bình đẳng giới.

2.3. Phát triển văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch

Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư phát triển du lịch huyện. Thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và tổ chức ngày đại đoàn kết các dân tộc; tăng cường phát triển công nghệ thông tin và thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả truyền hình, truyền thanh của huyện. Khuyến khích phát triển các hoạt động TDTT, tổ chức nhiều hoạt động cấp huyện. Tích cực đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

3. Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng – Nội chính – Xây dựng chính quyền.

3.1. An ninh - Quốc phòng.

Tiếp tục nắm chắc tình hình, chủ động xử lý các tình huống, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh, không để hình thành điểm nóng; chủ động triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Phần đầu hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ quốc phòng - quân sự năm 2020. Tổ chức thực hiện các bước tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2020 đạt chỉ tiêu. Thực hiện có hiệu quả Đề án “bảo đảm quốc phòng” giai đoạn 2015 - 2020 của huyện.

Phát động quần chúng nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Triển khai chương trình Quốc gia về phòng chống tội phạm; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm thiểu tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; giữ vững an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, nhất là tại vùng nông thôn. Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát trật tự an toàn giao thông đường bộ.

3.2. Nội chính, xây dựng chính quyền.

3.2.1. Nội chính:

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ sở bằng nhiều hình thức; tiếp tục thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, hệ thống hoá văn bản QPPL.

Tiếp tục duy trì lãnh đạo tiếp công dân tại các xã, thị trấn vào ngày 15 hàng tháng; chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; hạn chế việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp; khiếu kiện đông người.

Tăng cường công tác tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để trở thành điểm “nóng” gây mất an ninh trật tự; tập trung xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, rà soát những vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tồn đọng.

Tăng cường quản lý, hướng dẫn các tôn giáo hoạt động đúng quy định. Duy trì lịch thăm hỏi, tặng quà các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện. Quán triệt,

triển khai kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo.

3.2.2. Xây dựng chính quyền

Công tác tổ chức bộ máy:

Tham mưu và thực hiện sắp xếp cán bộ lãnh đạo quản lý tại các đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương trong thi hành công vụ và thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao.

Hoàn thành xây dựng các đề án về sắp xếp, sáp nhập, thôn buôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện. Hoàn thiện việc sắp xếp, bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã trên toàn huyện.

Cải cách hành chính: Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực, xây dựng thành công và phát huy hiệu quả mô hình chính quyền điện tử huyện Krông Năng; tiếp tục phối hợp với bưu điện tỉnh triển khai mô hình bưu điện văn hóa xã là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã đạt hiệu quả cao và nhân rộng ra toàn huyện; nâng cao đạo đức công vụ cho cán bộ trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đặc biệt là đội ngũ công chức, nhân viên bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã và cấp huyện. Triển khai thành công ứng dụng Zalo vào giải quyết thủ tục hành chính ở mức độ 3, mức độ 4.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Sở KHĐT tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Đại biểu HĐND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Trương Hoài Anh

Phụ lục 1
BÁO CÁO CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 333 /BC-UBND ngày 09 /12/2019 của UBND huyện)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KH 2019	ƯỚC TH 31/12/2019	KH 2020
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ				
1	Tổng giá trị sản xuất:				
1	Tổng Giá trị sản xuất (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	7.283	7.175	7.756
	- Tốc độ tăng trưởng	%	8,00	6,08	8-9
	CHIA THEO NGÀNH				
	Nông- lâm - thủy sản	Tỷ đồng	4.120	4.108	4.257
	- Tốc độ tăng trưởng	%	3	2,75	4-5
	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	1.158	1.120	1.299
	- Tốc độ tăng trưởng	%	15	11,23	16-17
	Các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	2.005	1.947	2.200
	- Tốc độ tăng trưởng	%	14	10,69	12,98
2	Cơ cấu Giá trị sản xuất				
	- Nông lâm ngư nghiệp	%	56,5-57	57,41	55,04
	- Công nghiệp-xây dựng	%	15-16	15,76	16,91
	- Các ngành dịch vụ	%	27,5-28	26,83	28,05
3	Giá trị sản xuất bình quân (người/năm)				
	- Theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	56,3	56,69	60,82
	- Theo giá hiện hành	Triệu đồng	89,3	81,42	87,34
4	Sản lượng lương thực	Tấn	64.153	63.987	63.940
	+ Lương thực bq/người/năm	Kg	496	506	501
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.643	1.752	2.037
6	Tổng thu cân đối ngân sách	Tỷ đồng	104,50	83,04	115,00
	Trong đó: + Thu thuế, phí	Tỷ đồng	48,0	48,06	55
	+ Thu biện pháp tài chính và thu khác	Tỷ đồng	56,5	34,98	60
7	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	581,70	740,72	769,47
8	Nhựa hóa tuyến đường				
	+ Tỷ lệ nhựa hóa đường huyện	%	99,5	100	100
	+ Tỷ lệ nhựa hóa, cứng hóa đường xã	%	32,5	57	58
B	CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
1	- Dân số	Người	129.258	126.562	127.511
2	- Tổng số hộ	Hộ	30.019	32.378	32.878
3	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	10	10	10
4	- Số lao động tạo việc làm mới	LĐ	1.920	1.920	1.950
	- Tỷ lệ lao động tạo qua đào tạo	%	48,8	48,8	49,0
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	38,8	38,8	39,0
	- Chỉ tiêu giảm nghèo	%	3,09	2,70	4,79
	+ Số hộ nghèo cuối năm	Hộ	2.063	2.028	596

5	Trong đó, + Hộ nghèo là DTTSTC	Hộ	539	532	156
	+ Hộ nghèo là DTTS khác	Hộ	698	686	202
	+ Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	6,79	6,79	2,00
6	- Số trường học (cơ sở GD công lập)	Trường	64	61	61
7	- Số trường học đạt chuẩn quốc gia	Trường	30-31	28	30
8	- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	xã, thị trấn	12	12	12
9	-Tỷ lệ xã, thị trấn có trường Mẫu giáo	%	100	100	100
10	- Tỷ lệ thôn, buôn có trường hoặc lớp Mẫu giáo	%	100	100	100
11	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hoá	%	78	78	85
12	- Tỷ lệ thôn, buôn đạt danh hiệu văn hóa	%	65	80	82
13	- Tỷ lệ cơ quan, trường học đạt danh hiệu VH	%	92-95	95	95
14	- Số xã đạt 16 tiêu chí nông thôn mới	xã	6	6	6
15	- Xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	xã	12	12	12
16	- Trạm y tế có bác sỹ	Trạm	13	13	13
17	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	<16,3	15,5	<15
18	- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,50	97,90	98,1
19	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn TT TT. Krông Năng	%	98	98	100
20	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại trung tâm các xã	%	92	92	95
21	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	13,2	13,3	13,7
22	- Đường đô thị có cây xanh	Km	20,0	17,2	20
	- Tỷ lệ đường đô thị có cây xanh	%	80,0	68,8	80
23	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99	99	100
24	- Tỷ lệ cây trồng đảm bảo nhu cầu nước tưới	%	78,3	78,45	80,04
25	- Tỷ lệ thôn, buôn có điện sinh hoạt	%	100	100	100
26	- Tỷ lệ cấp GCNQSD đất với diện tích cần cấp đã được đo đạc	%	88	88,2	89

Phụ lục 2
KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 333 /BC-UBND ngày 09 /12/2019 của UBND huyện)

TT	DANH MỤC	ĐVT	TH 2018	KH NĂM 2019	ƯỚC TH 31/12/2019	KH NĂM 2020
A	Trồng trọt					
*	Tổng DT cây nông nghiệp	ha	50.234	50.705	51.044	50.989
I	CÂY HÀNG NĂM	ha	15.028	14.748	14.890	14.788
*	Tổng Sản lượng lương thực	tấn	58.561	63.350	62.503	63.756
-	Lúa	tấn	17.311	15.350	16.975	15.006
-	Ngô	tấn	41.250	50.000	45.529	48.750
1	Cây lương thực có hạt	ha	10.043	9.900	9.943	9.850
a	Lúa ĐX - Diện tích	ha	1.086	800	1.023	750
	- Sản lượng	tấn	6.796	4.850	6.264	4.506
b	Lúa nước mùa -Diện tích	ha	1.615	1.600	1.602	1.600
	- Sản lượng	tấn	10.515	10.500	10.686	10.500
c	Ngô - Diện tích	ha	7.342	7.500	7.310	7.500
	- Sản lượng	tấn	41.250	50.000	45.529	48.750
2	Cây có chất bột, có củ	ha	848	965	1.049	985
a	Khoai lang - Diện tích	ha	506	650	603	650
	- Sản lượng	tấn	6.469	8.450	7.570	8.450
b	Sắn - Diện tích	ha	204	200	218	200
	- Sản lượng	tấn	2.625	2.400	2.806	2.400
c	Cây có củ khác -Diện tích	ha	138	115	228	135
	-Sản lượng	tấn	1.434	1.380	2.722	1.380
3	Cây thực phẩm	ha	2.050	2.170	2.172	2.200
a	Đậu các loại - Diện tích	ha	975	920	997	950
	- Sản lượng	tấn	1.694	1.610	1.832	1.610
b	Rau các loại - Diện tích	ha	1.075	1.250	1.175	1.250
	- Sản lượng	tấn	19.840	22.500	17.570	22.500
4	Cây CN ngắn ngày	ha	1.092	813	784	813
a	Đậu nành - Diện tích	ha	180	250	179	200
	- Sản lượng	tấn	304	425	334	340
b	Đậu phụng - Diện tích	ha	211	260	200	260
	- Sản lượng	tấn	398	494	383	494
c	Gừng - Diện tích	ha	50	34	43	34
	- Sản lượng	tấn	629	425	538	425
d	Cây nghệ - Diện tích	ha	262	100	95	100
	- Sản lượng	tấn	3.468	1.350	1.425	1.350
e	Chanh dây - Diện tích	ha	351	150	253	200
	- Sản lượng	tấn	6.499	2.475	3.835	3.033
g	Mía - Diện tích	ha	13	14	9	14
	- Sản lượng	tấn	325	308	239	308
f	Vùng (mè) - Diện tích	ha	25	5	5	5
	- Sản lượng	tấn	30	6	6	6
5	Cây hàng năm khác	ha	995	900	942	940
II	CÂY LÂU NĂM	ha	35.207	35.957	36.222	36.226
1	Cây CN dài ngày	ha	32.112	32.463	32.560	32.239
a	Cây cà phê -Diện tích	ha	23.607	24.418	24.558	24.569

TT	DANH MỤC	ĐVT	TH 2018	KH NĂM 2019	ƯỚC TH 31/12/2019	KH NĂM 2020
	- Sản lượng	tấn	68.423	72.375	72.175	72.759
b	Cây cao su -Diện tích	ha	3.091	3.091	3.091	3.091
	- Sản lượng	tấn	3.067	3.067	3.922	3.067
c	Cây tiêu -Diện tích	ha	5.314	4.882	4.810	4.500
	- Sản lượng	tấn	7.719	10.642	11.474	9.054
d	Cây chè -Diện tích	ha	5	5	6	6
	- Sản lượng	tấn	74	74	51	51
e	Cây điều -Diện tích	ha	89	65	89	69
	- Sản lượng	tấn	107	124	137	125
f	Cây ca cao - Diện tích	ha	6	2	6	4
	- Sản lượng	tấn	7	2	8	6
2	Cây ăn quả -Diện tích	ha	2.858	3.257	3.380	3.675
	- Sản lượng	tấn	15.795	20.500	12.301	19.364
3	Cây lâu năm khác	ha	15.450	237	282	312
B	Chăn nuôi					
I	Tổng đàn trâu	con	1.130	1.150	1160	1,165
II	Tổng đàn bò	con	10.638	10.752	10.874	11.000
III	Tổng đàn heo	con	25.116	25.196	22.711	25.000
IV	Tổng đàn gia cầm	con	620.000	750.000	750.000	750.000
V	Tổng lượng thịt hơi xuất chuồng	tấn	9.548	10.145	9.317	9.398
1	Thịt Trâu hơi	tấn	85	85	77	79
2	Thịt Bò hơi	tấn	541	545	389	393
3	Thịt lợn hơi	tấn	6.543	6.550	5.770	5.920
4	Thịt gia cầm hơi	tấn	2.878	2.900	3.000	3.000
5	Các sản phẩm khác	tấn	65	65	81	85
6	Sản lượng trứng gia cầm	1000 eggs	5.952	5.963	4.493	4.500
VI	Tổng đàn ong mật	Đàn	7.028	7.030	9.772	9.979
	Sản lượng mật ong	tấn	169	176	335	340
VII	Mặt nước nuôi trồng thủy sản	ha	582	577	577	577
	Sản lượng nuôi trồng	tấn	1.716	1.550	1.157	1.575